

Số: 525/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 25 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du và Miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 32/BC-HĐTD ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh về điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 128/TTr-STC ngày 12 tháng 02 năm 2026 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm những nội dung chủ yếu như sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Toàn bộ tỉnh Lào Cai với diện tích tự nhiên 13.256,92 km², gồm 99 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 10 phường và 89 xã. Phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với đường biên giới quốc gia dài 181,951 km; phía Nam giáp tỉnh Sơn La và Phú Thọ; phía Đông giáp tỉnh Tuyên Quang và phía Tây giáp tỉnh Lai Châu.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Bám sát thực tiễn, vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối, chủ trương, định hướng của Đảng, nhất là các quyết sách lớn, chiến lược của Trung ương phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Bảo đảm phát triển tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tuân thủ và phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần các Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của cả nước; Quy hoạch tổng thể quốc gia, các Quy hoạch ngành quốc gia và Quy hoạch vùng Trung du miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Phát triển nhanh và bền vững, thực hiện tăng trưởng “hai con số” dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh về vị trí địa lý, hạ tầng kết nối, kinh tế cửa khẩu, tài nguyên khoáng sản, du lịch; tận dụng, sử dụng hiệu quả nguồn lực nội tại kết hợp cùng bên ngoài; xây dựng và hoàn thiện thể chế, thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới,... tạo đột phá xây dựng Lào Cai trở thành cực tăng trưởng kinh tế của vùng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam của Trung Quốc.

c) Lấy con người là trung tâm, là động lực, là mục tiêu phát triển; chú trọng phát triển kinh tế gắn với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo bền vững và nâng cao chất lượng đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần, chỉ số hạnh phúc của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và người dân ở khu vực biên giới, trên các trụ cột: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin, việc làm và thu nhập.

Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng cống hiến; phát huy sức mạnh văn hóa, con người Lào Cai thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển.

d) Tổ chức không gian phát triển của tỉnh Lào Cai bảo đảm tính kế thừa, thống nhất, phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện phát triển của địa phương, chú trọng khai thác hiệu quả không gian phát triển mới do sáp nhập tỉnh và sắp xếp các đơn vị hành chính mang lại với “Trục động lực sông Hồng” là trung tâm. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào một số địa bàn có điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, nguồn nhân lực; hình thành các vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng dựa trên lợi thế so sánh về kết nối quốc tế, kết nối liên vùng, liên tỉnh và tiềm năng phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch, tạo hiệu ứng lan tỏa thúc đẩy kinh tế cả tỉnh phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.

đ) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố tiềm lực, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, đối phó hiệu quả các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là dịch bệnh, thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu; trong đó nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng - an ninh là điều kiện tiên quyết, phát triển kinh tế là trọng tâm; là tinh hình mẫu trong xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng, an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Đến năm 2030, tỉnh Lào Cai là cực tăng trưởng của vùng Trung du miền núi phía Bắc, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam của Trung Quốc; tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững dựa trên các động lực tăng trưởng mới (khoa học công nghệ, kinh tế tư nhân,...), cơ cấu kinh tế dịch chuyển tích cực; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện mạnh theo hướng đồng bộ, hiện đại; quốc phòng – an ninh được giữ vững; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

b) Các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Về kinh tế:

+ Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 12,6%; Công nghiệp - Xây dựng 45,3%; Dịch vụ 35,7%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 6,4%.

+ Phần đầu đạt tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân giai đoạn 2026-2030 từ 11%/năm trở lên.

+ GRDP bình quân đầu người 150 triệu đồng.

+ Phần đầu tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 20%.

+ Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 32.000 tỷ đồng.

+ Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 5 năm giai đoạn 2026-2030 đạt 600.000 tỷ đồng.

+ Tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 38%.

- + Số lượt khách du lịch đến địa bàn đạt trên 15 triệu lượt người; Tổng thu từ du lịch đạt 70.000 tỷ đồng.
- + Chỉ số sản xuất công nghiệp giai đoạn 2026-2030 tăng bình quân trên 12%/năm.
- + Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua địa bàn đạt 10 tỷ USD.
- + Phần đầu toàn tỉnh có trên 18.000 doanh nghiệp, trong đó tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động hiệu quả đạt trên 60%; tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế ngoài nhà nước trong GRDP đạt trên 72%.
- + Tốc độ tăng năng suất lao động giai đoạn 2026-2030 tăng bình quân trên 6,5%/năm.
- Về xã hội:
 - + Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 75,5 tuổi, trong đó số năm sống khỏe mạnh phần đầu đạt 68 năm.
 - + Chỉ số hạnh phúc của người dân đạt 72%.
 - + Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó tỷ lệ lao động đã đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống còn dưới 42%.
 - + Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số 100%; số bác sĩ trên 10.000 dân: 15,5 bác sĩ, trong đó đến năm 2027 có tối thiểu 4-5 bác sĩ/trạm y tế; số giường bệnh trên 10.000 dân: 45 giường bệnh.
 - + Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 85%; 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;
 - + Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030) duy trì mức giảm 2,5-3 điểm %/năm.
 - + Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 50%.
 - Chỉ tiêu về môi trường
 - + Tỷ lệ che phủ rừng duy trì mức 60%.
 - + Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 95%; tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 100%.
 - + Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%.
 - + Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.
 - + Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 98%.
- c) Tầm nhìn đến năm 2050

Lào Cai là trung tâm phát triển phía Bắc của cả nước; trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với Trung Quốc và châu Âu. Hiện thực hoá mục tiêu phát triển “xanh, hài hoà, bản sắc, hạnh phúc”.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá thời kỳ quy hoạch

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Hoàn thành xây dựng Lào Cai là cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam của Trung Quốc với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên phát triển logistics thông minh, thương mại số qua cửa khẩu, quản trị chuỗi cung ứng dựa trên dữ liệu, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn chất lượng; thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, gia tăng hàm lượng tri thức trong sản phẩm và dịch vụ.

- Tập trung thu hút đầu tư phát triển trục động lực dọc sông Hồng; hai cực phát triển (cực Bắc, cực Nam) tạo sự lan tỏa phát triển ba vùng kinh tế (vùng phía Đông, vùng phía Tây, vùng Trung tâm); hình thành các không gian đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với khu/cụm công nghiệp, đô thị và du lịch; phát triển hạ tầng số, dữ liệu dùng chung, nền tảng số dùng chung; thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới (AI, IoT, tự động hóa) trong quản lý đô thị, công nghiệp chế biến, nông nghiệp hàng hóa và dịch vụ du lịch.

- Tập trung nguồn lực thực hiện mục tiêu giảm nghèo, bảo đảm tiến bộ, công bằng, an sinh, phúc lợi xã hội; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, con người Lào Cai, gắn với phát triển xã hội số và nâng cao năng lực số cho người dân; mở rộng dịch vụ công trực tuyến, y tế số, giáo dục số; hỗ trợ chuyển đổi số cho hộ kinh doanh, hợp tác xã và doanh nghiệp nhỏ; phát triển du lịch thông minh gắn bảo tồn văn hóa, số hóa di sản, phát triển sản phẩm văn hóa - sáng tạo, qua đó tạo sinh kế bền vững và thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ giữa các vùng.

b) Các đột phá phát triển

- Đột phá mạnh mẽ về cơ chế, chính sách phát triển, khơi thông, giải phóng, huy động mọi nguồn lực để tập trung ưu tiên phát triển các trụ cột kinh tế.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh thu hút và trọng dụng nhân tài.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và hiện đại, có tính liên kết; trọng tâm là xây dựng hạ tầng giao thông kết nối liên vùng và quốc tế, đa phương thức.

- Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội, tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; lấy chuyển đổi số làm phương thức phát triển mới, gắn với phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Phát triển ngành công nghiệp

Phát triển công nghiệp theo hướng xanh, thân thiện môi trường, ưu tiên công

nghe cao và giá trị gia tăng lớn: (i) Đối với công nghiệp chế biến, chế tạo: Tập trung chế biến sâu, hình thành chuỗi sản xuất sau luyện kim, hóa chất, phân bón phục vụ kinh tế quốc gia và xuất khẩu; phát triển mạnh các ngành như vật liệu mới, thiết bị y tế, dược phẩm, công nghiệp hỗ trợ và lắp ráp...; (ii) Công nghiệp chế biến nông - lâm sản, trọng tâm là chế biến dược liệu, chế biến chè, quế, gỗ công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu tập trung; (iii) Thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo, đầu tư đưa vào khai thác tại khu Hồ Thác Bà, Sông Hồng; điện sinh khối,...

b) Phát triển du lịch

Lào Cai là trung tâm du lịch bốn mùa, mang tầm vóc quốc tế với thương hiệu “Lào Cai - Nơi hội tụ sắc màu Tây Bắc”. Tập trung nguồn lực xây dựng đưa Khu du lịch quốc gia Sa Pa và Hồ Thác Bà vươn tầm quốc tế; nâng tầm Bắc Hà, Y Tý, Mù Cang Chải thành điểm đến cấp quốc gia. Quy hoạch, xây dựng khu vực Nghĩa Lộ, Suối Giàng, Tú Lệ, Phình Hồ, Hạnh Phúc và các khu vực có điều kiện trở thành các trọng điểm du lịch cấp vùng và tỉnh. Phát triển, đa dạng hóa sản phẩm du lịch dựa trên nền tảng thiên nhiên và văn hóa bản địa, kết hợp với phát triển công nghiệp văn hóa, làng nghề và du lịch biên giới để thu hút khách quốc tế (đặc biệt là thị trường Trung Quốc). Chú trọng phân khúc cao cấp với mục tiêu thu hút tối thiểu 03 tổ hợp nghỉ dưỡng kết hợp casino theo quy định của pháp luật, thúc đẩy kinh tế ban đêm, kinh tế tầm thấp; đảm bảo hệ thống hạ tầng du lịch đồng bộ, hiện đại, an toàn gắn liền với đẩy mạnh chuyển đổi số ngành du lịch.

c) Phát triển kinh tế cửa khẩu

Xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai trở thành khu vực kinh tế động lực chủ đạo của tỉnh, phát triển năng động và bền vững. Xây dựng và phát triển thành trung tâm giao thương, dịch vụ, du lịch và logistics trọng điểm; là cầu nối quan trọng giữa Việt Nam, ASEAN với thị trường Trung Quốc, tạo động lực lan tỏa cho toàn vùng. Quy hoạch, xây dựng và phát triển đồng bộ hệ thống công nghiệp, đô thị, thương mại và dịch vụ trên nền tảng hạ tầng kỹ thuật - xã hội hiện đại; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với nâng cao đời sống nhân dân vùng biên giới, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên; củng cố vững chắc quốc phòng - an ninh và chủ quyền quốc gia.

d) Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, chuỗi giá trị cao. Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của Lào Cai để phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, phát triển sản phẩm chủ lực và đặc hữu phù hợp với từng vùng sinh thái; phát triển chăn nuôi, thủy sản theo hướng tập trung, bền vững. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, phát triển nông nghiệp hữu cơ, thích ứng biến đổi khí hậu; phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản, hữu cơ, OCOP. Hình thành và phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; thu hút, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp đa giá trị gắn kết chặt chẽ với du lịch, bảo tồn văn hóa để tạo ra sản phẩm đặc thù có thương hiệu quốc gia và quốc tế góp phần kiến tạo nông thôn văn minh, người dân thịnh vượng, hạnh phúc; đảm bảo quốc phòng - an ninh nông thôn và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Phát triển thương mại, dịch vụ

Phát triển đa dạng các phương thức thương mại, kết hợp hài hòa giữa hiện đại và truyền thống. Quy hoạch và thu hút đầu tư mạng lưới trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích dọc theo trục động lực sông Hồng, các cực phát triển và các khu vực đô thị; ưu tiên phát triển tại các đô thị lớn như Lào Cai, Cam Đường, Yên Bái,... và khu du lịch trọng điểm của tỉnh. Tập trung đầu tư hạ tầng khu thương mại trong Khu kinh tế cửa khẩu theo Điều chỉnh Quy hoạch chung đến năm 2045. Thực hiện nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới hệ thống chợ dân sinh đảm bảo văn minh, an toàn. Tạo lập môi trường và điều kiện thuận lợi thúc đẩy thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ. Quy hoạch và xây dựng hệ thống kho bãi, khu logistics tại các đô thị, khu kinh tế và khu công nghiệp; bổ sung quy hoạch và đầu tư, nâng cấp, cải tạo các bến xe khách, bến xe hàng, cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh để phục vụ nhu cầu đi lại của Nhân dân và vận chuyển hàng hóa. Khuyến khích kinh tế tư nhân đầu tư phát triển dịch vụ hậu cần phục vụ sản xuất và các lĩnh vực dịch vụ phục vụ xã hội (theo tinh thần Nghị quyết 68-NQ/TW).

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Phát triển ngành y tế tỉnh Lào Cai theo hướng hiện đại, đồng bộ và kết nối sâu rộng từ tuyến cơ sở đến trung ương (theo tinh thần Nghị quyết 72-NQ/TW), lấy mục tiêu nâng cao toàn diện tầm vóc, tuổi thọ và chất lượng sống của nhân dân làm trọng tâm. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại; phát triển các chuyên khoa sâu tại tuyến tỉnh đi đôi với củng cố năng lực y tế dự phòng và khám chữa bệnh tại tuyến cơ sở; khuyến khích phát triển mạng lưới y tế tư nhân, đặc biệt thu hút đầu tư các mô hình bệnh viện quốc tế, dưỡng lão và du lịch nghỉ dưỡng kết hợp chăm sóc sức khỏe. Đồng thời, đẩy mạnh chuyên đổi số, đảm bảo kết nối, liên thông dữ liệu thông suốt giữa các tuyến và giữa khu vực công - tư.

c) Giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng giáo dục và đào tạo, thực hiện hiệu quả Nghị quyết 71-NQ/TW. Tập trung rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường lớp; chuẩn hóa cơ sở vật chất, xây dựng các trường trọng điểm về chất lượng đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; khuyến khích, thu hút đầu tư hệ thống trường quốc tế, trường ngoài công lập. Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả; ưu tiên xây dựng chương trình đào tạo chuẩn quốc tế và hình thành Trung tâm đào tạo nghề trọng điểm quốc gia. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng và năng lực nghiên cứu, trọng tâm là phát triển Phân hiệu Đại học Thái Nguyên thành trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao của Vùng; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút tối đa nguồn vốn ngoài ngân sách để hiện đại hóa trang thiết bị và môi trường giáo dục.

d) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị và phát triển nhân lực chất lượng cao. Ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng tâm, đột phá; đẩy mạnh tiếp thu và chuyển giao công nghệ mới nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản

xuất kinh doanh. Phát triển toàn diện chuyển đổi số trên 3 trụ cột: Chính quyền số - Kinh tế số - Xã hội số. Xây dựng đô thị thông minh gắn với đảm bảo an toàn, an ninh mạng. Phát triển hạ tầng số, nhân lực số và phổ cập kỹ năng số cho người dân; nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ của các đơn vị trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

đ) Văn hóa, thể dục, thể thao, báo chí, phát thanh truyền hình

Xây dựng con người Lào Cai phát triển toàn diện, môi trường văn hóa lành mạnh, tạo động lực tinh thần cho phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung nguồn lực bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị hệ thống di tích, danh lam thắng cảnh, đặc biệt là các di tích lịch sử cách mạng và các khu vực có tiềm năng du lịch. Đẩy mạnh số hóa di sản; lập hồ sơ xếp hạng di tích (quốc gia đặc biệt, quốc gia) và kiến tạo các không gian văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc.

Phát triển mạnh công nghiệp văn hóa gắn với du lịch; khai thác hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh theo hướng liên kết dịch vụ. Nâng cao năng lực tổ chức, đăng cai các sự kiện văn hóa, thể thao quy mô quốc gia, quốc tế, đưa Lào Cai trở thành điểm đến hấp dẫn.

Phát triển hệ thống báo chí, truyền thông chủ lực theo hướng hội tụ, đa phương tiện, đa nền tảng; hiện đại hóa hạ tầng mạng truyền dẫn, phát sóng. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện các hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin đối ngoại và thông tin cơ sở; đẩy mạnh các phương thức truyền thông trên nền tảng Internet và thiết bị thông minh.

e) An sinh xã hội, lao động và việc làm

Phát triển và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội đa tầng, linh hoạt, đảm bảo diện bao phủ rộng và khả năng hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau. Nâng cao chất lượng hệ thống chăm sóc xã hội và mức phúc lợi cho các đối tượng thụ hưởng. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích phát triển các cơ sở và loại hình dịch vụ bảo hiểm, trợ giúp xã hội ngoài công lập nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân.

Thúc đẩy thị trường lao động phát triển lành mạnh; nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động tuyển dụng và sử dụng lao động. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo việc làm bền vững, tăng thu nhập và phúc lợi cho người lao động. Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động.

g) Quốc phòng, an ninh

Củng cố vững chắc quốc phòng – an ninh và chủ quyền quốc gia. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh, có khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, giữ vững là nòng cốt của nền quốc phòng toàn dân. Xây dựng thế trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với thế trận quốc phòng toàn dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Ưu tiên xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường tuần tra biên giới và kè sông suối, kè mốc khu vực biên giới.

3. Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội

Quy hoạch, xây dựng Một trục động lực (Trục giao thương - trục không gian kinh tế dọc sông Hồng - trục văn hóa, lịch sử - năng lượng – tín ngưỡng sông Hồng);

sông Hồng); Hai cực phát triển; Ba vùng kinh tế, khai thác hiệu quả tạo động lực mới, cân đối, bổ trợ, hài hòa. Định hình một không gian phát triển liên mạch không chỉ là động lực mới của Lào Cai mà còn là trung tâm động lực mới của vùng Trung du miền núi phía Bắc kết nối với Phú Thọ nằm ở vị trí cửa ngõ trung du xuống tới đồng bằng sông Hồng. Tạo nên một không gian phát triển liên tục từ biên giới dọc theo sông Hồng qua Phú Thọ về tới vùng Thủ đô mở rộng; giữ vai trò trọng tâm trong phát triển công nghiệp – logistics – đô thị - dịch vụ và là trục giao thương quan trọng của cả vùng; vừa phát triển kinh tế đồng thời là trung tâm giao thoa văn hóa lịch sử – du lịch tín ngưỡng/cội nguồn, đóng góp cho bản sắc vùng và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

(1) Một trục động lực (Trục động lực dọc sông Hồng: Trục giao thương - trục không gian kinh tế dọc sông Hồng - trục văn hóa, lịch sử - năng lượng – tín ngưỡng sông Hồng). Chức năng và các trọng tâm phát triển: Trục kinh tế đóng vai trò “hạt nhân” liên kết không gian phát triển kinh tế của tỉnh; kết nối vùng, liên vùng và cả nước với khu vực Tây Nam Trung Quốc, trên ba nền tảng kết nối là hạ tầng kinh tế - xã hội, văn hóa lịch sử và doanh nghiệp. Sự phát triển của trục động lực này có tác động dẫn dắt, lan tỏa thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trên địa bàn toàn tỉnh.

(2) Hai cực phát triển (cực phía Bắc, cực phía Nam)

- Cực phát triển phía Bắc: Là cực tăng trưởng kinh tế quan trọng nhất của tỉnh, cửa ngõ của vùng Trung du miền núi phía Bắc, trung tâm kết nối Việt Nam, các nước ASEAN với khu vực Tây Nam, Trung Quốc; có vai trò là trung tâm phân phối hàng hóa của cả vùng; là một đầu mối, một trung tâm dịch vụ logistics cấp quốc gia và cấp vùng. Tập trung phát triển đô thị theo mô hình nén, đa chức năng hướng tới thông minh, hiện đại, đô thị kết nối hiệu quả với tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, kinh tế cửa khẩu, dịch vụ logistics...

- Cực phát triển phía Nam: Là cực tăng trưởng kinh tế quan trọng của tỉnh, cửa ngõ kết nối Lào Cai với Thủ đô Hà Nội và vùng Đồng bằng sông Hồng; là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, y tế và giáo dục của tỉnh. Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ logistics, thương mại, du lịch, nông nghiệp sinh thái. Sự phát triển của cực tăng trưởng này có ý nghĩa quan trọng phát triển Trục động lực kinh tế dọc sông Hồng và tác động lan tỏa đến các địa phương vùng thấp của tỉnh.

(3) Ba vùng kinh tế (Vùng phía Đông, vùng Trung tâm, vùng phía Tây)

- Vùng phía Đông: Là vùng kinh tế nông – lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch, năng lượng, cung ứng nguyên liệu nông – lâm sản, kết nối phát triển với Trục động lực kinh tế dọc sông Hồng; bảo đảm quốc phòng – an ninh cho tỉnh, vùng và cả nước. Trọng tâm phát triển: Du lịch, nông – lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch, năng lượng (thủy điện Thác Bà), công nghiệp chế biến nông – lâm sản.

- Vùng Trung tâm: Là vùng kinh tế quan trọng nhất của tỉnh, có vai trò liên kết, lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các vùng phía Đông, phía Tây tỉnh. Trọng tâm phát triển: Kinh tế cửa khẩu; giao thông, đô thị, công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp chế biến khoáng sản, nông – lâm sản, dịch vụ du lịch, thương mại, logistics, tài chính,...

- Vùng phía Tây: Là vùng kinh tế nông – lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch chất lượng cao, vùng cung ứng nguyên liệu nông – lâm sản, khoáng sản; kết nối phát triển với Trục động lực kinh tế dọc sông Hồng; bảo đảm quốc phòng – an ninh cho tỉnh, vùng và cả nước. Trọng tâm phát triển: Du lịch, nông nghiệp (lúa gạo chất lượng cao), lâm nghiệp, dược liệu, các khu bảo tồn thiên nhiên, khai thác khoáng sản.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương hướng quy hoạch hệ thống đô thị

Phát triển hệ thống đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh và thông minh, lấy đô thị làm động lực dẫn dắt và hỗ trợ nguồn lực cho vùng nông thôn. Trọng tâm là xây dựng chuỗi đô thị dọc Trục kinh tế động lực sông Hồng và tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, tăng cường liên kết vùng và tạo không gian phát triển rộng lớn cho tỉnh. Về mô hình phát triển, ưu tiên các khu đô thị đa chức năng, đô thị sân bay và đô thị gắn với ga đường sắt (TOD). Đối với các đô thị lớn, tập trung đầu tư hạ tầng thông minh (Lào Cai, Sa Pa, Yên Bái); đối với miền núi, chú trọng hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu. Phát triển đô thị phải gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế dịch vụ, kinh tế ban đêm, kinh tế du lịch, thể thao và kinh tế dịch vụ chăm sóc người cao tuổi. Nghiên cứu xây dựng khu đô thị trung tâm hành chính tỉnh Lào Cai tại đô thị Yên Bái. Định hướng đến năm 2030, toàn tỉnh hình thành hệ thống 29 đô thị, bao gồm 03 đô thị loại II và 26 đô thị loại III.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

2. Phương hướng quy hoạch khu vực nông thôn

Tổ chức quy hoạch và xây dựng hệ thống điểm dân cư nông thôn theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW (ngày 16/6/2022). Quy hoạch các điểm dân cư có quy mô phù hợp với điều kiện từng địa bàn, đảm bảo kết nối đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Triển khai xây dựng các khu dân cư nông thôn mới tuân thủ nghiêm ngặt quy hoạch và kế hoạch đã được phê duyệt. Quản lý chặt chẽ các chỉ tiêu xây dựng (hệ số sử dụng đất, chiều cao, kiến trúc công trình...) theo đúng quy định. Đặc biệt khuyến khích các kiến trúc tôn trọng bản sắc văn hóa dân tộc và hài hòa với cảnh quan không gian chung của từng khu vực.

3. Phương hướng quy hoạch các khu chức năng

a) Phát triển khu kinh tế cửa khẩu

Phát triển Khu kinh tế (KKT) cửa khẩu Lào Cai theo mô hình kết hợp 'Tuyến - Tập trung - Đa cực', hình thành chuỗi dịch vụ thương mại - du lịch động lực của toàn vùng. Cấu trúc không gian được chia thành 03 phân vùng gắn liền với các cặp cửa khẩu quốc tế: Phân vùng I: Gắn với Cửa khẩu quốc tế Lào Cai - Hà Khẩu; phân vùng II: Gắn với Cửa khẩu quốc tế Bản Vược - Pả Sa; Phân vùng III: Gắn với Cửa khẩu quốc tế Mường Khương - Kiều Đầu. Tập trung phát triển Lào Cai trở thành trung tâm logistics hiện đại của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, kết nối chặt chẽ với hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Bố trí các đầu mối cảng cạn (ICD) gắn với đường bộ tại khu vực Kim Thành - Bản Vược (xã Bát Xát) và gắn với đường sắt tại ga Lào Cai.

b) Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Hình thành hệ thống các khu công nghiệp có quy mô hợp lý, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng và từng địa phương trên địa bàn tỉnh. Phát triển các khu công nghiệp của tỉnh phù hợp theo không gian phát triển mới, theo hướng khu công nghiệp sinh thái.

Đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh có 20 khu công nghiệp với tổng diện tích tỉnh khoảng 5.797 ha.

Thu hút đầu tư, lấp đầy các cụm công nghiệp hiện có. Đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh có 54 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 2.928 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục II, III)

c) Phát triển không gian du lịch

Xây dựng Lào Cai trở thành trung tâm du lịch tầm quốc gia và quốc tế; bố trí không gian phát triển du lịch bảo đảm khai thác hợp lý cảnh quan tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên gắn với trục động lực Sông Hồng. Hình thành không gian phát triển du lịch mới có trọng tâm, trọng điểm, bao gồm 1 trục, 2 vùng:

- Trục kinh tế du lịch - văn hoá, lịch sử, tín ngưỡng: Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch dọc theo trục sông Hồng gắn với các trung tâm đô thị lớn của tỉnh, định hướng phát triển các sản phẩm: Du lịch MICE (du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện); du lịch văn hoá tín ngưỡng Đền Bảo Hà, Đền Đông Cuông, Đền Nhượng Sơn, Đền Thượng, Đền Mẫu Trịnh Tường); các sản phẩm du lịch sinh thái rừng, du lịch chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe; phát triển kinh tế đêm và du lịch qua biên giới,... Hoàn thành phân khu du lịch Bản Qua, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng ven suối Lũng Pô,...

- Vùng phía Tây Bắc - vùng động lực (đột phá) phát triển du lịch: Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch gắn với Dãy núi Hoàng Liên Sơn hùng vĩ, với các loại hình du lịch nghỉ dưỡng cao cấp; trải nghiệm thiên nhiên; du lịch chữa lành, chăm sóc sức khỏe; du lịch thể thao mạo hiểm và du lịch cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa dân tộc. Trọng tâm là khu du lịch Sa Pa, khu du lịch Y Tý, khu du lịch Mù Cang Chải, Mường Hum,...

- Vùng phía Đông - Du lịch sinh thái văn hoá: Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù dọc theo sông Chảy – khu du lịch quốc gia Hồ Thác Bà, định hướng phát triển các sản phẩm du lịch thể thao mạo hiểm; du lịch văn hóa chợ phiên vùng cao; du lịch cộng đồng; du lịch sinh thái, trải nghiệm cảnh quan sông, hồ và du lịch nông nghiệp; du lịch thể thao nước; du lịch nghỉ dưỡng,...

d) Phân bố không gian phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản

Không gian sản xuất nông, lâm, thủy sản của tỉnh Lào Cai được tổ chức theo hướng tập trung, chuyên canh, hiện đại, gắn với chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn và phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn. Hình thành các vùng: (i) Vùng trồng cây dược liệu và cây đặc sản; (ii) Vùng trồng cây ăn quả tập trung; (iii) Vùng trồng rau màu, cây thực phẩm và hoa màu ngắn ngày tập trung tại các xã phường khu vực đồng bằng có đất thịt nhẹ, gần đô thị và khu công nghiệp, chủ đạo là chuyên canh rau màu chất lượng cao, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; (iv)

Vùng sản xuất lúa hàng hóa, lúa chất lượng cao; (v) Vùng chăn nuôi tập trung; (vi) Vùng sản xuất lâm nghiệp, rừng đặc dụng và rừng sinh thái.

đ) Tổ chức không gian phát triển thương mại, dịch vụ

Quy hoạch, xây dựng các khu thương mại gắn với Khu kinh tế cửa khẩu, các khu vực cửa khẩu biên giới. Phát triển không gian thương mại, dịch vụ hiện đại tại đô thị trung tâm và các khu vực được quy hoạch xây dựng đô thị. Định hướng xây dựng khu vực trung tâm các xã trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ của khu vực; bố trí xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển thương mại.

e) Bố trí không gian đảm bảo quốc phòng - an ninh

Đảm bảo quỹ đất đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn phường, xã. Quản lý các khu vực ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng, đảm bảo điều kiện cho lực lượng quốc phòng hoạt động thuận lợi khi cần thiết.

Bảo đảm an ninh chính trị, an ninh biên giới, bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị. Đến năm 2030, cơ bản hoàn thành xây dựng công trình đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

V. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương hướng phát triển mạng lưới giao thông vận tải

a) Phương hướng phát triển hạ tầng giao thông quốc gia, kết nối quốc tế

- Đường bộ: Thực hiện theo quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt. Phát triển hạ tầng giao thông quốc gia theo quy hoạch, các đoạn đi qua khu đô thị xây dựng các tuyến đường tránh hoặc mở rộng phù hợp với quy hoạch đô thị, các vị trí giao cắt đường sắt nghiên cứu phương án xây dựng cầu vượt hoặc hầm chui để đảm bảo an toàn giao thông, xây dựng các trạm dừng nghỉ trên tuyến. Kiến nghị thu hút đầu tư Cao tốc Lào Cai – Lai Châu; cao tốc Sơn La - Lào Cai - Phú Thọ - Tuyên Quang - Thái Nguyên; giao thông kết nối liên vùng Sơn La - Lào Cai (Nghĩa Lộ - Mù Cang Chải - Sa Pa - Y Tý) - Lai Châu.

- Đường sắt: Thực hiện theo quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hoàn thành tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai – Hải Phòng, đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách nội vùng, kết nối trung tâm hành chính và khu công nghiệp.

- Đường hàng không: Hoàn thành xây dựng Cảng hàng không Sa Pa đạt tiêu chuẩn cấp 4C, định hướng là cảng hàng không quốc tế; nghiên cứu xây dựng sân bay chuyên dùng phục vụ cứu hộ, cứu nạn, phát triển du lịch.

- Đường thủy: Thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Cảng cạn: Xây dựng hệ thống cảng cạn, cụm cảng cạn tại khu kinh tế cửa khẩu, khu vực Cảng hàng không Sa Pa và cảng khác khi có nhu cầu.

b) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông cấp tỉnh

Tập trung nguồn lực đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn, kết nối thuận tiện, nhanh chóng

với các tỉnh trong vùng, giữa vùng với cả nước và quốc tế. Cơ bản nâng cấp các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn đường cấp IV-III.

Xây dựng các tuyến đường tránh đô thị, các tuyến đường kết nối đô thị, các khu du lịch với các trục giao thông, đầu mối giao thông lớn; nâng cấp, mở rộng một số tuyến đường kết nối tỉnh Lào Cai với các tỉnh lân cận, quy mô đường cơ bản đạt cấp IV-III; hoàn thiện, cải tạo các tuyến đường đô thị, ưu tiên đầu tư các trục đường chính tại các đô thị; xây dựng mới các cầu đường bộ qua sông Hồng và các sông khác theo quy hoạch; quy hoạch các bến xe khách, bến xe hàng, bến cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh để phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa, phát triển thương mại, dịch vụ.

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

2. Phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện

a) Đến năm 2030, tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả của các nguồn điện hiện có; phát triển các dự án điện như: Điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, thủy điện, điện rác và các nguồn năng lượng tái tạo khác phù hợp với Quy hoạch điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch điện lực quốc gia và tình hình thực tế của địa phương.

b) Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các trạm biến áp và đường dây 110kV, lưới điện trung, hạ áp; xây dựng công trình điện lực đấu nối các nhà máy điện vào hệ thống điện; tăng công suất cấp điện và đầu tư nâng cao độ ổn định, độ tin cậy của hệ thống truyền tải điện.

(Chi tiết tại Phụ lục V)

3. Phương hướng phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, khu xử lý chất thải, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

a) Phương hướng phát triển mạng lưới thủy lợi

Đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại, hoàn thiện các công trình thủy lợi cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt nông thôn. Phát triển công trình thủy lợi ứng dụng công nghệ cao tưới cho cây trồng cạn, cây nông nghiệp có giá trị kinh tế cao. Đầu tư các công trình tích, trữ nước mặt vào mùa mưa điều tiết cấp nước sản xuất, nước sinh hoạt vào mùa khô cho các vùng trọng điểm thiếu nước; nghiên cứu xây dựng các hồ cắt lũ dọc theo trục động lực sông Hồng.

(Chi tiết tại Phụ lục VI)

b) Phương hướng phát triển mạng lưới cấp nước

Cấp nước sinh hoạt đô thị: Đến năm 2030, phân đấu tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 100%; giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch xuống $\leq 10\%$. Cải tạo, nâng công suất các công trình cấp nước hiện có; đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước tại các khu vực phát triển đô thị bảo đảm công suất cấp nước toàn hệ thống đô thị.

Cấp nước khu vực nông thôn: Đến năm 2030, phân đấu 100% dân cư nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Quy hoạch, xây dựng hệ thống công trình cấp nước ở nông thôn, đảm bảo tổng công suất cấp nước toàn hệ thống.

Cấp nước công nghiệp: Đến năm 2030, đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước công nghiệp hiện có tại các khu công nghiệp hiện hữu và các khu cụm công nghiệp hình thành mới, bảo đảm các khu, cụm công nghiệp đều có tối thiểu 01 công trình cấp nước công nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục VII)

c) Phương hướng phát triển hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải

Đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải, từng bước tách riêng hệ thống thu nước thải với hệ thống thu nước mưa tại các khu vực đô thị; xây dựng công trình xử lý nước thải tại các đô thị, ưu tiên các khu vực có lượng nước thải lớn như khu vực đô thị Lào Cai, Yên Bái, các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Xây dựng khu xử lý nước thải công nghiệp đồng bộ với kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp.

d) Phương hướng phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cao năng lực tiếp nhận, xử lý của các khu xử lý chất thải cấp tỉnh, khu xử lý cấp xã hiện hữu; có lộ trình đóng cửa các bãi chôn lấp rác. Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động thu gom, xử lý chất thải. Thu hút đầu tư các lò đốt rác ứng dụng công nghệ mới gắn với các khu xử lý.

Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn nguy hại tại khu công nghiệp.

Cải tạo, mở rộng, nâng cấp các nghĩa trang tập trung hiện hữu (nếu đủ điều kiện về diện tích, môi trường,...); từng bước di dời các khu vực nghĩa trang nhỏ lẻ, đóng cửa các nghĩa trang không đảm bảo yêu cầu tại đô thị; định hướng quy hoạch xây dựng các khu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung có quy mô, vị trí phù hợp theo nhu cầu trước mắt và lâu dài trên địa bàn tỉnh; đầu tư mới nghĩa trang tập trung có quy mô diện tích lớn theo mô hình công viên nghĩa trang; và đầu tư xây dựng mới các nghĩa trang tập trung tại các đô thị, nông thôn. Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện các cơ sở hỏa táng gắn với công viên nghĩa trang tại vị trí phù hợp đảm bảo cảnh quan, môi trường; quy hoạch, đầu tư các nhà tang lễ tại các đô thị đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn quy hoạch đô thị.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII, IX)

đ) Phương hướng phát triển phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

Bố trí trụ sở và doanh trại lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ gần khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu du lịch, sân bay, những nơi dễ xảy ra cháy, tai nạn; đảm bảo các yêu cầu về diện tích, liên kết thuận lợi với các tuyến đường giao thông. Đầu tư xây dựng trụ sở, doanh trại các đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại trung tâm các cụm xã, phường; đầu tư trang bị phương tiện, hệ thống thông tin liên lạc đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, phù hợp với nhiệm vụ. Bố trí, thiết lập hệ thống cấp nước chữa cháy phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy tại từng địa bàn.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe

Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị y tế theo hướng đồng bộ, hiện đại; ưu tiên các dự án trọng điểm, các cơ sở y tế đã xuống cấp, quy mô chật hẹp, không đáp ứng được nhu cầu trong tình hình mới. Xây mới, nâng cấp các bệnh viện (trong đó ưu tiên thành lập Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng, nâng cấp bệnh viện Đa khoa số 4,...); các Trung tâm Y tế khu vực (trong đó ưu tiên xây mới trung tâm y tế khu vực Mù Cang Chải, Lục Yên,...); các phòng khám đa khoa khu vực (trong đó ưu tiên nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Mường Hum, Bảo Hà thành bệnh viện đa khoa, xây mới, nâng cấp các phòng khám đa khoa khu vực khi có điều kiện,...) và các trạm y tế; phân đầu 100% các trạm y tế cấp xã, phòng khám đa khoa khu vực được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực theo chức năng nhiệm vụ. Nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở theo hướng hiện đại, đủ năng lực giám sát, cảnh báo sớm, khống chế kịp thời dịch bệnh và sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng. Hướng tới mục tiêu xây dựng hệ thống y tế từng bước hiện đại, công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế; bảo đảm tính kế thừa, tính khả thi và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Kêu gọi đầu tư, thành lập Bệnh viện quốc tế tại phường Lào Cai, Xây dựng các trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại phường Lào Cai, Bắc Hà, Mù Cang Chải, Thác Bà, Yên Bình, Trạm Tấu... và tại các khu vực đủ điều kiện. Ưu tiên phát triển các bệnh viện tư nhân tập trung vào các dịch vụ kỹ thuật cao, áp dụng thiết bị công nghệ khám, chữa bệnh hiện đại, được bố trí tại các khu vực tập trung đông dân cư, khu đô thị mới.

(Chi tiết tại Phụ lục X)

2. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng tinh gọn, mở phục vụ việc học tập suốt đời cho mỗi người dân, đảm bảo tính công bằng, bình đẳng, hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, và giữa các vùng, miền trong tỉnh. Chú trọng phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong đó, ưu tiên đầu tư cho các loại hình trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và trường nội trú tại các xã biên giới. Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bảo đảm quy mô, cơ cấu và hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo gắn với yêu cầu và xu hướng phát triển của thị trường lao động. Khuyến khích, ưu tiên phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập, trường quốc tế ở các cấp học của hệ thống giáo dục.

(Chi tiết tại Phụ lục XI)

3. Phương hướng phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đầu tư xây dựng, nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập đảm bảo thực hiện hiệu quả các chức năng. Hình thành cơ sở vật chất, không gian khởi nghiệp bao gồm các khu nghiên cứu, ứng dụng, xúc tiến đầu tư, chuyển giao và ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng số, đô thị thông minh, chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Phát triển hạ tầng, dịch vụ bưu chính, chuyển phát: Từng bước chuyển dịch

từ bưu chính truyền thống sang bưu chính số; phát triển hạ tầng, dịch vụ liên quan đến chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; các dịch vụ mang tính hỗ trợ, logistics cho thương mại điện tử. Thúc đẩy hoạt động của điểm bưu cục ngoại dịch, điểm thông quan hàng bưu chính tại cửa khẩu; phát triển bưu cục thông minh, triển khai nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số quốc gia.

Phát triển, nâng cao chất lượng hạ tầng, dịch vụ mạng viễn thông, mạng viễn thông thế hệ mới, hạ tầng truyền dẫn, hạ tầng thông tin di động, mạng cáp quang nội tỉnh, liên tỉnh, cáp quang đến hộ gia đình, mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước; hạ tầng Internet vạn vật (IoT), điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, trung tâm dữ liệu, trung tâm điều hành thông minh, hệ thống mạng nội bộ, mạng diện rộng, hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành, dữ liệu mở; an toàn, an ninh mạng, nhân lực số; thu hút đầu tư khu công nghệ số tập trung; thực hiện lộ trình số hóa hạ tầng thiết yếu khác phục vụ chính quyền số, đô thị thông minh, kinh tế số và xã hội số.

(Chi tiết tại Phụ lục XII)

4. Phương hướng phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ, hội chợ, triển lãm

Nâng cấp mở rộng các chợ tại trung tâm đô thị, khu du lịch, trung tâm cụm xã hoặc xây mới thành chợ hạng I. Cải tạo, nâng cấp, xây mới các chợ có quy mô hạng III ở địa bàn cấp xã. Xây dựng chợ đầu mối bán buôn tại các khu vực sản xuất hàng hóa tập trung, có vị trí giao thông thuận lợi. Đầu tư, xây dựng siêu thị tại trung tâm các cụm xã, phường đến nay chưa có nhằm nâng cao mức hưởng thụ của người dân vùng nông thôn. Thu hút đầu tư, xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại có quy mô phù hợp tại khu vực trung tâm các xã và khu vực nông thôn khác.

a) Phương hướng phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại

- Phát triển đồng bộ mạng lưới chợ truyền thống trên địa bàn toàn tỉnh với quy mô, cơ cấu, tính chất và công năng phù hợp với nhu cầu lưu thông hàng hóa và thị trường từng địa phương và các khu vực lân cận. Trong đó, chú trọng phát triển mạng lưới chợ cung ứng hàng hóa nông sản thực phẩm cho thị trường khu vực đô thị và mạng lưới chợ cung ứng hàng công nghiệp tiêu dùng thông thường cho thị trường nông thôn; hệ thống chợ phục vụ du lịch.

- Phát triển siêu thị, trung tâm thương mại với nhiều cấp độ quy mô và loại hình phù hợp với các cấp đô thị; đẩy mạnh phát triển mới các loại hình các siêu thị, trung tâm thương mại tại các đô thị gắn với trục động lực, các hành lang kinh tế, phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị mới. Phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại gắn liền với không gian đô thị có quy mô tương ứng.

b) Phương hướng phát triển cơ sở xăng dầu, khí đốt

Phát triển hệ thống dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt đảm bảo ổn định sản xuất, kinh doanh. Quy mô, tiến độ đầu tư, công suất thiết kế phù hợp với mật độ, quy mô, nhu cầu theo từng giai đoạn trong sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của người dân; thuận lợi về kết nối hệ thống cung ứng, đáp ứng nhu cầu dự trữ thương mại.

Đầu tư xây dựng hệ thống kho chứa khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên hóa lỏng; trạm nạp khí dầu mỏ hóa lỏng từ kho đầu nguồn tới các hộ tiêu thụ; đáp ứng nhu cầu nhiên liệu cho phát triển công nghiệp, năng lượng, giao thông vận tải và dân dụng.

c) Phương hướng phát triển trung tâm logistics, kho hàng

Định hướng đến năm 2030, phát triển các khu dịch vụ thương mại tổng hợp logistics trên địa bàn tỉnh phù hợp với chức năng kho tàng, bến bãi tập kết vật tư hàng hoá, kho trung chuyển, hệ thống trung tâm dịch vụ tiếp vận, phục vụ lưu thông hàng hóa và nguyên liệu phục vụ sản xuất phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, phường và các khu vực lân cận.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII)

5. Phương hướng phát triển hạ tầng văn hóa, thể dục thể thao

Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, đảm bảo cấp tỉnh có đủ các thiết chế Trung tâm văn hoá (hoặc Trung tâm văn hoá và triển lãm), thư viện, bảo tàng; 100% số đơn vị hành chính cấp xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc nhà văn hóa đa năng, tối thiểu 70% số đơn vị hành chính cấp xã, phường có Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên,...

(Chi tiết tại Phụ lục XIV)

6. Phương hướng phát triển hạ tầng an sinh xã hội, bảo trợ xã hội

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo công trình chức năng các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở có chức năng giới thiệu việc làm đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục của Trung tâm Công tác xã hội tỉnh, Trung tâm Điều dưỡng người có công; nghiên cứu, đề xuất, thu hút đầu tư Viện dưỡng lão gắn với các khu du lịch và đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các cơ sở cai nghiện ma túy.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV)

VII. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Nguồn lực đất đai được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 -2030.

- Các chỉ tiêu, diện tích chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đất ở, đất phát triển hạ tầng được tính toán, xác định trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất Quốc gia, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và nhu cầu phát triển của địa phương để triển khai các phương án phát triển theo không gian, lãnh thổ và các công trình, dự án hạ tầng; khi cần thiết điều chỉnh thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

(Chi tiết tại Phụ lục XV)

VIII. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phân vùng bảo vệ môi trường

Phân vùng bảo vệ môi trường tỉnh Lào Cai thành 03 vùng, gồm:

- Vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt: Nội thành, nội thị của các đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; các khu bảo tồn thiên nhiên: Khu Bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang Chải, khu Bảo tồn thiên nhiên Nà Hẩu, Vườn Quốc gia Hoàng Liên, khu bảo tồn thiên nhiên Bát Xát, khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên Văn Bàn: Vùng bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái. Thành lập mới một số khu bảo tồn trong thời kỳ quy hoạch: Khu bảo vệ cảnh quan Cốc Ly (xã Bảo Nhai); khu bảo vệ cảnh quan Bắc Hà (xã Bắc Hà); khu bảo vệ cảnh quan Nậm Cháy (xã Mường Khương); khu bảo vệ cảnh quan Núi Hàm Rồng (phường Sa Pa).

- Vùng hạn chế phát thải: Vùng bảo hộ vệ sinh của công trình lấy nước sinh hoạt, hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm cả nội thành, nội thị của các đô thị loại III hiện hữu và thành lập mới trong thời kỳ 2021 - 2030.

- Vùng bảo vệ môi trường khác bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ nằm ngoài Vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt và Vùng hạn chế phát thải.

Thực hiện công tác bảo vệ môi trường phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường của từng phân vùng môi trường; giảm phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực trọng điểm (xây dựng, giao thông, công nghiệp, nông nghiệp và xử lý chất thải).

b) Quan trắc tài nguyên và môi trường

Duy trì, nâng cấp hệ thống quan trắc hiện có; xây dựng mới và bố trí mạng lưới quan trắc môi trường, bao gồm các điểm quan trắc, trạm quan trắc tự động các thành phần môi trường đất, nước, không khí trên địa bàn tỉnh; đầu tư nâng cao năng lực phòng thí nghiệm, phân tích môi trường và hệ thống quản lý số liệu, dữ liệu quan trắc môi trường. Thực hiện liên kết mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường của tỉnh với mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường quốc gia và kết nối mạng lưới quan trắc môi trường cấp vùng. Định kỳ thực hiện kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực cảnh báo thiên tai, xây dựng hệ thống cảnh báo lũ ống, lũ quét, quan trắc trượt lở, nâng cấp trạm quan trắc tự động nước mặt sông Hồng và các trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

c) Phát triển rừng bền vững, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học

- Quản lý, bảo vệ nghiêm diện tích rừng hiện có, đặc biệt là rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định. Nâng cao chất lượng rừng thông qua khoanh nuôi tái sinh, làm giàu rừng, phục hồi rừng suy thoái. Phát triển rừng trồng gỗ lớn, quản lý rừng bền vững, từng bước cấp chứng chỉ rừng nhằm nâng cao giá trị sản phẩm lâm nghiệp. Tăng

cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm vi phạm pháp luật về lâm nghiệp. Ứng dụng công nghệ số, viễn thám, cơ sở dữ liệu trong quản lý, theo dõi diễn biến rừng.

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng đa giá trị: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng lâm nghiệp phù hợp điều kiện sinh thái từng vùng; ưu tiên cây bản địa, cây đa mục đích, cây lâm sản ngoài gỗ và cây dược liệu dưới tán rừng. Đẩy mạnh thâm canh rừng trồng gắn với chế biến lâm sản, phát triển chuỗi liên kết từ trồng rừng – khai thác – chế biến – tiêu thụ. Gắn phát triển lâm nghiệp với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường. Phát huy dịch vụ môi trường rừng và thị trường các-bon.

- Phát triển sinh kế và nâng cao vai trò cộng đồng: Hỗ trợ tạo sinh kế bền vững cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, người dân vùng đệm vườn quốc gia, khu bảo tồn. Thúc đẩy giao rừng, cho thuê rừng gắn với giao đất lâm nghiệp; phát huy vai trò quản lý rừng cộng đồng. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng tham gia trồng, bảo vệ rừng cảnh quan phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

d) Sắp xếp, phân bố các khu nghĩa trang

Định hướng quy hoạch xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung đô thị theo quy hoạch đô thị; xây dựng nhà tang lễ tại các đô thị phù hợp với phân loại đô thị. Cải tạo, tiếp tục sử dụng các nghĩa trang chưa lấp đầy; mở rộng nghĩa trang phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn; di dời các nghĩa trang không đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường phù hợp với quy hoạch của địa phương cấp xã, phường.

2. Phương án quản lý về địa chất, khoáng sản

Khoanh định khu vực điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản đã được xác định trong quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản và khoanh định khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản đối với các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh được xác định cụ thể trong Báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Khảo sát, đánh giá chất lượng, trữ lượng khoáng sản bảo đảm cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu tin cậy về địa chất, khoáng sản, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Nâng cao hiệu lực hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với tài nguyên khoáng sản trên địa bàn theo quy định của pháp luật; kiểm tra, rà soát, các hoạt động khai thác khoáng sản đã cấp đổi với các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động. Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản sử dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, bảo đảm các tiêu chuẩn về môi trường, không làm ảnh hưởng tới cảnh quan khu vực. Khi quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản của quốc gia được phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung thì phương án quản lý về địa chất, khoáng sản này được thực hiện theo các Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phương hướng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

a) Phân bổ tài nguyên nước

Phân bổ tài nguyên nước mặt đối với các lưu vực sông, hồ, đầm và tài nguyên

nước dưới đất đối với các tầng chứa nước chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo mục đích sử dụng. Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng theo thứ tự: Nhu cầu nước cho sinh hoạt; nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp; nhu cầu nước cho nuôi trồng thủy sản; nhu cầu nước cho sản xuất công nghiệp; nhu cầu nước cho du lịch, dịch vụ; nhu cầu nước cho các lĩnh vực khác.

b) Bảo vệ tài nguyên nước

- Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất; tăng cường quản lý và bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên nước; tăng khả năng trữ và lưu giữ nước của các công trình hồ chứa, bảo đảm an ninh nguồn nước cho vùng; tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý, chia sẻ lợi ích từ tài nguyên nước.

- Kiểm soát hiệu quả các nguồn thải: Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, y tế và các loại nước thải khác được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành.

- Phát triển, cải tạo các công trình tạo nguồn nước để bổ sung nguồn cấp nước, chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước. Xây dựng các trạm/vị trí quan trắc tài nguyên nước và xả thải nước trên các dòng sông chính; xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định.

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống mạng lưới quan trắc đối với nguồn nước mặt, nước dưới đất; tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn. Hoàn thiện, nâng cấp mạng lưới các trạm cảnh báo thiên tai hiện có. rà soát các công trình đập dâng, hồ chứa nước đã xuống cấp để có kế hoạch gia cố, nâng cấp. Xóa bỏ những khu vực có nguy cơ lũ quét cao bằng các công trình ổn định mái dốc, chống sạt lở.

- Triển khai hệ thống theo dõi, giám sát tình hình ngập lụt, hạn hán. Điều chỉnh công tác quản lý, vận hành các hồ chứa nước và nước ngầm phù hợp với việc điều tiết chống lũ, chống hạn. Sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường các biện pháp trữ nước. Thay đổi các cơ cấu cây trồng phù hợp với tình hình hạn hán.

- Củng cố hệ thống đê điều, công trình dưới đê và các công trình phụ trợ, công trình bảo vệ đê. Cải tạo các tuyến đê, kè, cống, lòng dẫn, cửa thoát lũ nhằm bảo đảm nhiệm vụ tưới, tiêu và vận hành an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ.

4. Phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro thiên tai

Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai bao gồm: lốc xoáy, mưa đá, nắng nóng, hạn hán, bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sét, sạt lở đất, sụt lún đất, sương muối, sương mù, cháy rừng do tự nhiên,...

b) Phương hướng quản lý rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Củng cố, sửa chữa, nâng cấp và xây dựng các công trình phòng chống thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu; di dời dân khỏi vùng sạt lở, lũ quét, ngập lụt; quy hoạch khu tái định cư bền vững (Khắc phục, xử lý tình trạng ngập, úng khu vực ven sông Hồng, khu vực trung tâm tỉnh Lào Cai và vùng phụ cận); nâng cấp hệ thống kè cũ và bờ bao đảm bảo chống lũ sông Hồng và các

sông khác; nạo vét, cải tạo và cứng hóa hệ thống ngòi tiêu. Sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có sức chống chịu cao với thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu ứng dụng AI, IoT trong xây dựng bản đồ nguy cơ lũ quét, ngập lụt, hệ thống quản trị tài nguyên nước và hệ thống cảnh báo thiên tai nhằm nâng cao năng lực ứng phó, giảm thiểu thiệt hại và phát triển bền vững.

IX. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp thực hiện quy hoạch

a) Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Nghiên cứu, kiến nghị ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển, bao gồm: Kiến nghị Chính phủ nghiên cứu, trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Lào Cai mới với vai trò là cực tăng trưởng, trung tâm kết nối vùng, tập trung vào phân cấp quản lý, ưu đãi đầu tư, và cơ chế tài chính - ngân sách. (ii) Cho phép tỉnh Lào Cai xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu trở thành trung tâm giao thương kinh tế của khu vực ASEAN với vùng Tây Nam, Trung Quốc, hạt nhân là Khu hợp tác qua biên giới với chức năng đa ngành, trung tâm thương mại, tài chính, logistics, du lịch, được áp dụng các chính sách ưu đãi cao nhất về thuế quan, phi thuế quan, thủ tục hải quan điện tử, thanh toán xuyên biên giới, logistics thông minh, nhằm tạo ra một mô hình kinh tế cửa khẩu hiện đại; cơ chế, chính sách đối với các vùng kinh tế động lực, trung tâm để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, của vùng, thúc đẩy liên kết giữa vùng kinh tế động lực với các vùng khác trên địa bàn tỉnh; đầu tư kết nối hạ tầng giao thông, điện, nước,... đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp để thu hút nhà đầu tư hạ tầng đồng bộ, chất lượng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư của tỉnh; phát triển, nâng cao chất lượng đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, đô thị xanh, phát triển bền vững; tạo sức hút, phát triển các ngành dịch vụ; phát triển thị trường bất động sản theo hướng lành mạnh hướng đến nhu cầu thực; phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường như thu gom, chế biến rác thải, xử lý nước thải, sản phẩm được tạo ra từ các vật liệu thân thiện với môi trường...; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ hiện đại, sản phẩm thân thiện với môi trường, chuyển đổi số, kinh tế số; phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; tập trung ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản.

Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính của từng sở, ngành, địa phương và công bố công khai các thủ tục hành chính. Xây dựng, phát triển chính quyền số; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh trong giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, nhà đầu tư; xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các sở, ngành, các xã, phường.

b) Nhóm giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực

Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước: Huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh và Trung ương; tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của

Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, nguồn vốn hỗ trợ ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội.

Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Ưu tiên kêu gọi các tập đoàn kinh tế lớn có tiềm lực tài chính, các doanh nghiệp thuộc Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) đầu tư các dự án vào tỉnh trong các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch, công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp, đối tác đem theo công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, hệ thống quản lý hiện đại tạo tác động lan tỏa tích cực tới sự phát triển kinh tế của tỉnh; đa dạng hóa các hình thức huy động vốn. Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

Huy động nguồn vốn từ chuyển đổi mục đích sử dụng đất: Rà soát, điều chỉnh các chính sách tài chính về đất đai để các chính sách này thực hiện được chức năng điều tiết trên thị trường; rà soát, sắp xếp để sử dụng có hiệu quả quỹ đất hiện do các đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh quản lý.

Các biện pháp nâng cao hiệu quả đầu tư: Tăng cường quản lý các khâu của quá trình đầu tư, xây dựng; gắn công tác thanh tra, kiểm tra với đánh giá giám sát đầu tư; nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư, quản lý nghiêm ngặt quá trình thực hiện dự án, chống lãng phí, thất thoát, nâng cao thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn; định hướng, ban hành tiêu chí thu hút đầu tư có chọn lọc trong tình hình mới, phù hợp với mục tiêu phát triển nhanh, theo hướng bền vững.

c) Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực phù hợp xu thế phát triển chung của vùng và cả nước; triển khai thực hiện một số chương trình/dự án phát triển đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh: Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đại học, Chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước.

Xây dựng Đề án về vấn đề việc làm để nhận diện ra sự thay đổi, biến động của thị trường lao động và vấn đề việc làm, đề án Đào tạo và đào tạo lại nhân lực trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đối với đội ngũ doanh nhân: Tập trung ưu tiên hỗ trợ đào tạo doanh nhân, chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

d) Nhóm giải pháp về bảo vệ môi trường

Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện hệ thống chủ trương, chính sách về

bảo vệ môi trường, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật chung, bám sát thực tế và theo kịp tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước, diễn biến nhanh và mức độ phức tạp của các vấn đề môi trường.

Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ tỉnh đến xã, phòng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường ngày càng lớn, phức tạp. Rà soát, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý môi trường các cấp, nhất là ở các địa phương, ưu tiên cấp phường, xã, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt từ tỉnh đến cơ sở.

Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải; xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái do trước đây để lại. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung, nhà máy xử lý rác thải tập trung.

đ) Giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Triển khai thực hiện nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 21/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghiên cứu ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trước mắt là trong hệ thống chính trị của tỉnh như: Xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng của tỉnh. Hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm nông sản của tỉnh.

Đưa khoa học, công nghệ gắn liền với sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực để nâng cao năng suất, chất lượng, đạt các tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap, hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị khoa học và công nghệ của mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, các trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, các tổ chức ứng dụng, dịch vụ khoa học kỹ thuật. Phát triển mạng lưới các tổ chức tư vấn, hỗ trợ, chuyên gia công nghệ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Định kỳ, thường xuyên làm việc, xác định kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn, từ đó xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung và quy mô phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động nhằm triển khai các biện pháp hỗ trợ, bảo đảm tính đồng bộ giữa các kế hoạch phát triển hạ tầng của địa phương (nguồn lực nhà nước) và phát triển hạ tầng viễn thông thụ động của doanh nghiệp (do doanh nghiệp đầu tư), bao gồm: xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng

lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.

e) Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị, nông thôn

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất, tích hợp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

Kiểm soát chặt việc sử dụng các loại đất rừng, tài nguyên, môi trường rừng và tỷ lệ che phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị, nhu cầu tăng trưởng kinh tế, yêu cầu phát triển xã hội.

2. Nguồn vốn thực hiện quy hoạch

Trong giai đoạn 2026-2030, nhu cầu vốn thực hiện quy hoạch khoảng 600.000 tỷ đồng, trong đó vốn khu vực nhà nước khoảng 171.000 tỷ đồng, chiếm 23%, vốn khu vực ngoài nhà nước khoảng 429.000 tỷ đồng chiếm 77%.

X. DANH MỤC BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

(Chi tiết tại Phụ lục XVI)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định này là cơ sở để lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch đô thị và nông thôn, các quy hoạch chuyên ngành và thực hiện các dự án đầu tư theo quy định hiện hành.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, rà soát, tổ chức công bố, công khai nội dung điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan rà soát, triển khai đầy đủ các nội dung theo chỉ đạo; chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định pháp luật liên quan đến việc điều chỉnh quy hoạch, nội dung điều chỉnh quy hoạch và triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch theo quy định của pháp luật.

3. Giao các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Tài chính rà soát, hoàn thiện báo cáo tổng hợp, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trước pháp luật đối với các nội dung điều chỉnh thuộc lĩnh vực quản lý.

4. Giao Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành (nếu có) đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

5. Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường liên quan theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng trong quá trình thực hiện các nội dung điều chỉnh Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Các nội dung Quy hoạch được điều chỉnh tại Quyết định này thì thực hiện theo Quyết định này. Các nội dung khác không được điều chỉnh tại Quyết định này thì thực hiện theo các văn bản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *kt*

Nơi nhận: *mt*

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các PTT Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công thương, Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các chuyên viên tổng hợp;
- Lưu: VT, TH (Quang Anh).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Anh